

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Hằng
2. Bà Phạm Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 ngày 6 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Như A, ĐKKHKT: Số 10/196 P, phường Đ 1, Hải An, Hải Phòng, hiện trú tại Thôn 11, xã H, huyện T, Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh B, địa chỉ: **Số 10/196 P, phường Đ 1, Hải An, Hải Phòng.** Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2022, trong các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Như A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng năm 2019. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống

cùng bố mẹ anh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều khác biệt trong quan điểm sống và suy nghĩ cũng như những bất đồng khi chung sống với gia đình nhà chồng. Đến đầu năm 2022 chị đi khám bệnh bị lừa mất tiền anh B có những lời nói xúc phạm, chì chiết làm mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng. Mặc dù chị đã cố gắng cải thiện mối quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả, giữa anh chị không còn tiếng nói chung. Đến tháng 4 năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị bỏ về nhà Bố mẹ đẻ sinh sống, hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh B về thăm con vẫn có những hành động, lời nói xúc phạm chị và bố mẹ chị, nên chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh B ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Hoàng N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2020. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh chị hiện không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: **Chị N** xin chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: Anh Trần Thanh B trình bày trong bản tự khai và trong các biên bản làm việc trong hồ sơ vụ án như sau:

Anh B xác nhận thời gian và điều kiện và hoàn cảnh kết hôn đúng như **Chị N** trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, giữa anh chị chỉ có một số khúc mắc về quản lý kinh tế gia đình. Còn việc mâu thuẫn giữa **Chị N** và bố mẹ chồng, việc này không thể tránh khỏi do khác biệt trong tuổi tác và suy nghĩ. Tuy nhiên **Chị N** có những hành động không tôn trọng chồng cũng như Bố mẹ chồng, thiếu chăm lo gia đình, ghen tuông vô lý, nên tình cảm vợ chồng rạn nứt rất nhiều sau những cuộc cãi vã. Đến đầu năm 2022, xảy ra sự việc **Chị N** bị lừa tiền khi đi chữa bệnh, giữa anh chị cũng có khoảng thời gian căng thẳng không vui, **Chị N** tự ý bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Giữa anh chị không có tiếng nói chung, hai người sống ly thân từ đó. Nay anh đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, nếu không thành anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh B và **Chị N** có 01 con chung là Trần Hoàng N, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2020. Ly hôn, anh thống nhất giao con chung cho **Chị N** trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đề nghị không phải chịu án phí do không phải người nộp đơn ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt không tham gia hòa giải tại Tòa án và phiên tòa, không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ của chính quyền địa phương và đại diện gia đình, thể hiện thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn anh B và **Chị N** như **Chị N** trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận sau mâu thuẫn phát sinh, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không còn hòa hợp. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Sau khi **Chị N** về Bố mẹ ở Anh B thường xuyên đến gây sự làm mất trật tự thôn xóm, khiến mâu thuẫn gia đình càng gay gắt. Đến tháng 4 năm 2022 hai người ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay **Chị N** xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của hai bên và quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho **Chị N** được ly hôn anh Trần Thanh B .

Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng N, sinh ngày 07.8.2020 cho **Chị N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh B là 2.000.000 đồng/1 tháng để phù hợp với thực tế sinh hoạt và đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho cháu Trần Hoàng N.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: **Chị N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Trần Thị Như A và anh Trần Thanh B là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Trần Thanh B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị Như A vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Như A và anh Trần Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng ngày 06/11/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không còn tôn trọng, tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không cải thiện được. Đến tháng 4 năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh B không tham dự hòa giải theo triệu tập của Tòa án và đây là lần thứ hai anh B vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, là anh B tự từ bỏ quyền lợi của mình trước tòa, đồng thời thể hiện anh B không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị N và anh B đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc **Chị N** đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Trần Thanh B là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Hoàng N, sinh ngày 07.8.2020. Trường hợp ly hôn, anh B có thống nhất giao con cho mẹ là **Chị N** trực tiếp nuôi dưỡng, **Chị N** cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Hoàng Nam hiện chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, việc giao con chung Trần Hoàng N cho **Chị N** nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cả hai và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: **Chị N** yêu cầu anh B đóng góp cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, anh B có nguyện vọng đóng góp cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng. Xét thấy **Chị N** và anh B đều có công việc và thu nhập ổn định. Việc cấp dưỡng nuôi con phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của con chung do đó, HĐXX nhận thấy anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét giải quyết.

[7] Về án phí: **Chị N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Như A được ly hôn anh Trần Thanh B .

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng N, sinh ngày 07/8/2020 **Chị N** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng kể từ

tháng 10 năm 2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị yêu cầu không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng người bị yêu cầu phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí:

Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. **Chị N** đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0004740 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị N và anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thường